TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU ĐỨC** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/DS-ST
Ngày: 19-10-2018
V/v *"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Trọng Hải;

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Trần Thị Hạnh

- Ông Lương Văn Thăng

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Minh Quế - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2018, tại Phòng xét xử, Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử công khai vụ án thụ lý số 72/2013/TLST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2013, về: "*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2015/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2015, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2015/QĐST-HPT ngày 29/5/2015; Thông báo mở lại phiên tòa số 11/2018/TB-TA ngày 28/9/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ng, Sinh năm: 1959.

Địa chỉ: Tổ 05, ấp KG, thị trấn NgG, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trần Công N - Văn phòng luật sư Trần Công N, Đoàn luật sư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm: 1966.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 58, thôn TL, xã KL, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Tạm trú: Ấp Phú Giao 2, thị trấn NgG, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Thái Văn M - Văn phòng luật sư Thái Văn M, Đoàn Luật thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 18/4/2017 có thông báo không tiếp tục làm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị Thanh T)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Quang Đỗ Qu, sinh năm: 1989

Địa chỉ: Tổ 01, ấp PhG 2, thị trấn NgG, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

(Bà Ng có mặt, bà T và bà Qu vắng mặt không lý do, Luật sư N xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, cũng như các các văn bản làm việc trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ng, trình bày: Năm 2013 bà Ng làm đơn yêu cầu Tòa án Châu Đức thụ lý giải quyết đã được Tòa án thu lý vụ án số 72/2013/TLST-DS vào ngày 12/8/2013 về việc " tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Tại phiên Tòa hôm nay bà Ng xin bổ sung sửa lại yêu cầu sau: Nay bà Ng yêu cầu bà T thanh toán số tiền bà Nguyễn Thị Thanh T có vay của bà Nguyễn Thị Ng tổng số tiền là 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng) việc vay mượn này thể hiện qua hai lần vay cụ thể ngày 22-12-2008 bà T có vay của bà Ng số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), đến ngày 18-02-2009 bà T vay tiếp của bà Ng 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng). Việc vay mượn này không có tài sản thế chấp để bảo đảm cho số tiền nợ. Việc vay mượn này đã được lập thành giấy tay (giấy tay đề ngày 22-12-2008 và ngày 18-02-2009) và có bà T ký xác nhận vào giấy tay đó về nội dung giấy tay thì có ghi nhận ngày vay và số tiền vay nhưng không ghi nhận cụ thể thời gian trả nợ. Từ khi vay nợ đến nay bà T đã thanh toán cho bà Ng là 430.000.000đồng (bốn trăm ba mươi triệu đồng) theo giấy nhận tiền bà T đã cung cấp cụ thể như sau:

Bà T trả đã trả cho bà Ng tổng cộng 13 lần cụ thể ngày 23/02/2009 bà Ng nhận 40.000.000đ; ngày 06/4/2009 bà Ng nhận 10.000.000đ (con bà Ng tên D nhận thay); ngày 08/4/2009 bà Ng nhận 90.000.000đ; ngày 14/4/2009 bà Ng nhận 20.000.000đ; ngày 17/4/2009 bà Ng nhận 40.000.000đ; ngày 21/4/2009 bà Ng nhận 50.000.000đ; ngày 26/4/2009 bà Ng nhận 30.000.000đ; ngày 29/4/2009 bà Ng nhận 30.000.000đ; ngày 06/6/2009 bà Ng nhận 50.000.000đ; ngày 08/6/2009 bà Ng nhận 20.000.000đ; ngày 10/6/2009 bà Ng nhận 30.000.000đ; ngày 01/7/2009 bà Ng nhận 10.000.000đ (con bà Ng tên là T nhận thay); ngày 13/7/2009 bà Ng nhận 10.000.000đ. Các biên nhận trên đã được bà T nộp làm chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên Tòa hôm nay bà Ng chỉ yêu cầu bà T thanh toán số tiền gốc còn lại là 170.000.000đồng(một trăm bảy mươi triệu đồng) và yêu cầu bà T trả lãi 05 năm kể từ ngày Tòa án thu lý(12/8/2013) đến ngày Tòa án xét xử với lải suất là 9% một năm trên số 170.000.000đồng(một trăm bảy mươi triệu đồng).

Ngoài số tiền 600.000.000(sáu trăm triệu đồng)đồng trên bà T còn nợ bà Ng các khoản nợ khác khi nào thu thập đầy đủ cơ sở bà Ng sẽ yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết sau.

Trong các các biên bản làm việc và biên bản lấy lời khai, biên bản tự khai và các biên bản làm việc tại Tòa án bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Bà

Nguyễn Thị Thanh T xác nhận là bà Nguyễn Thị Ng có cho bà T vay tiền nhiều lần nhưng bà T không nhớ rõ số tiền nợ gốc (bút lục số 37). Bà T xác nhận mỗi lần vay tiền với bà Ng thì có được lập thành giấy nợ và số tiền 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng) mà bà Ng cho bà T vay thì bà T đã trả xong cho bà Ng. Việc bà T trả nợ cho bà Ng được thực hiện tổng cộng 13 lần cụ thể ngày 23/02/2009 bà Ng nhận 40.000.000đ; ngày 06/4/2009 bà Ng nhận 10.000.000đ (con bà Ng tên D nhận thay); ngày 08/4/2009 bà Ng nhận 90.000.000đ; ngày 14/4/2009 bà Ng nhận 20.000.000đ; ngày 17/4/2009 bà Ng nhận 40.000.000đ; ngày 21/4/2009 bà Ng nhận 50.000.000đ; ngày 26/4/2009 bà Ng nhận 30.000.000đ; ngày 29/4/2009 bà Ng nhận 30.000.000đ; ngày 06/6/2009 bà Ng nhận 50.000.000đ; ngày 08/6/2009 bà Ng nhận 20.000.000đ; ngày 10/6/2009 bà Ng nhận 30.000.000đ; ngày 01/7/2009 bà Ng nhận 10.000.000đ (con bà Ng tên là T nhận thay); ngày 13/7/2009 bà Ng nhận 10.000.000đ. Việc bà T trả tiền cho bà Ng nêu trên được lập thành giấy tay và bà T đã nộp bản chính những chứng cứ trên cho Tòa án (Bút lục từ số 81 đến 95)

Ngoài ra ngày 21/8/2008 bà Ng có vay của bà T 500 USD và 230.000.000đ không có biên nhận; ngày 21/8/2008 bà Ng vay của bà T 20.000.000đ không có biên nhận; ngày 13/9/2008 bà Ng nhận từ bà T 10.000.000đ không có biên nhận (Do con của bà Ng tên Qu giao).

Về 02 giấy tay xác nhận nợ của bà T đối với bà Ng để ngày 22/12/2008 (bút lục 06) và ngày 18/02/2009 (bút lục số 05) không phải chữ ký của bà T và bà T có yêu cầu Tòa án tiến hành giám định chữ ký đối với 02 giấy nợ nêu trên.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Quang Đỗ Qu đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên không tiến hành lấy lời được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết trong vụ án:

Về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý vụ án đúng theo thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật về nội dung tranh chấp, thu thập đầy đủ chứng cứ và xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Tuy thời hạn giải quyết án kéo dài nhưng không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết nội dung tranh chấp. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc xét xử trong phiên tòa sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chấp hành không đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ng, buộc bà Nguyễn Thị Thanh T thanh toán cho bà Nga số nợ gốc còn lại là 170.000.000đồng (một trăm bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi là 9% một năm trong thời gian 5 năm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ng phù hợp với quy định tại điều 164,165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2005 nên được Tòa án chấp nhận để xem xét. Nội dung khởi kiện là tranh chấp hợp đồng vay tài sản nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức.

Bà Nguyễn Thị Ng yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh T phải trả tổng số tiền 600.000.000đồng (sáu trăm triệu đồng) và tiền lãi từ ngày 22/12/2008 cho đến ngày xét xử đây là quan hệ pháp luật "*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản";* nơi thường trú của bà T là xã KL, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, nơi tạm trú của bà T là ở ấp PhG 2, thị trấn NgG, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng bà T vẫn vắng mặt không lý do. Bà Nguyễn Quang Đỗ Qu đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng không lý do nên không tiến hành lấy lời khai được. Căn cứ khoản 2 Điều 227; của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt cả hai đương sự trên.

Về nội dung tranh chấp:

{1}Theo đơn khởi kiện đơn bổ sung đơn khởi kiên tai phiên tòa thì bà Ng yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh T phải trả tổng số tiền vốn gốc còn lại: 170.000.000đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh từ số tiền nợ trên kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án ngày 12/8/2013 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là 5 năm, tính lãi suất là 9 % một năm. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bà Ng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đây là quyền của các đương sự được pháp luật quy định căn cứ vào Điều 5, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận xem xét ý kiến này của bà Ng.

{2}Xét yêu cầu đòi lại số tiền 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng) tiền nợ gốc của bà Ng đối với bà T nhận thấy: Việc bà Ng cho bà T vay tiền có được lập thành giấy tay để ngày 22/12/2008 (bút lục số 06) với nội dung *"em T có mượn chị Ng 300 triệu"*và giấy tay đề ngày 18/2/2009 (bút lục số 05) với nội dung *"em T có mượn chị Ng 300 triệu đồng chẵn"* và có bà T ký xác nhận vào 02 giấy viết tay nêu trên.

Xét lời khai của bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T thì thấy: Bà T cho rằng 02 giấy tay do bà Ng cung cấp với nội dung xác nhận nợ của bà T đối với bà Ng để ngày 22/12/2008 (bút lục 06) và ngày 18/02/2009 (bút lục số 05) không phải chữ ký của bà T. Và bà Tùng có yêu cầu Tòa án tiến hành giám định chữ ký đối với 02 giấy nay nêu trên. Tại Kết luận giám định số 2016/PC45-Đ3, ngày 05/7/2017 của phòng Kỹ thuật hình sự thuộc Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc giám định chứ ký của bà T trong 02 giấy xác nhận nợ nêu trên kết luận "*chữ ký mang tên*

Nguyễn Thị Thanh T trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, A2 so với mẫu chứ ký của Nguyễn Thị Thanh T trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1 đến M7) do cùng một người ký ra", qua kết quả giám định nêu trên có căn cứ xác định chứ ký trong 02 giấy xác nhận nợ nêu trên là của bà T. Bên cạnh đó tại bản tự khai đề ngày 10/9/2013 (bút lục 37) bà T thừa nhận việc bà T có vay tiền của bà Ng nhiều lần nhưng bà T không nhớ rõ số tiền nợ gốc. Ngoài ra tại biên bản lấy lời khai ngày 18/9/2015 bà T (bút lục 143) thừa nhận có vay số tiền 600.000.000đồng (sáu trăm triệu đồng)và bà T cho rằng đã trả xong cho bà Ng. Qua các tình tiết trên nhận thấy việc bà Ng cho bà T vay số tiền 600.000.000đ nêu trên là có căn cứ.

{3}Đối với việc trả nợ:

Xét thấy tại phiên tòa hôm nay bà Ng có làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T trả số tiền còn lại là 170.000.000đồng(Một trăm bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi là 9% một năm từ ngày 12/8/2013 đến nay này xét xử sơ thẩm là 5 năm.

Bà Nguyễn Thị Thanh T cho rằng số tiền 600.000.000đồng bà T đã trả xong cho bà Ng và việc trả nợ này được thực hiện thành 13 lần, bà T có liệt kê 13 lần trả nợ (có nộp chứng cứ kèm theo là các giấy nhận tiền của bà Ng có chữ ký của bà Ng bút lục 81 đến 95) với số tiền 430.000.000đồng(bốn trăm ba mươi triệu đồng), tại phiên tòa hôm nay bà Ng thừa nhận việc bà T đã trả 13 lần cho bà Ng số tiền trên là 430.000.000đồng (bốn trăm ba mươi triệu đồng) và đồng ý trừ vào số tiền 600.000.000đ(sáu trăm triệu đồng) và yêu cầu tính lãi là có căn cứ. Bởi lẻ theo chứng cứ bà Ng đưa ra để đòi nợ là hai giấy nợ ngày 22/12/2008 và 18/02/2009, các khoản nợ bà T Trả cho bà Ng cũng được tính từ ngày 23/02/2009 đến ngày 13/7/2009, các giấy trả tiền này được bà Ng xác nhận với tổng số tiền và được bà T thanh toán khi hai bên xác nhận nợ là phù hợp.

Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử kết luận: Bà Nguyễn Thị Thanh T còn nợ bà Nguyễn Thị Ng số tiền nợ gốc là 600.000.000đ sau khi khấu trừ đi số tiền đã trả là là 430.000.000đ (bốn trăm ba mươi triệu) mà bà Ng đã nhận như vậy số tiền nợ gốc bà T Phải thanh toán là 170.000.000đồng(một trăm bảy mươi triệu đồng).

{4}Xét yêu cầu của bà Ng đối với việc yêu cầu bà T trả số tiền lãi phát sinh từ số tiền nợ gốc 170.000.000đ tính lãi suất 8% năm, kể từ ngày kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án ngày 12/8/2013 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là ngày 19/10/2018 là 5 năm hai tháng nhưng bà Ng chỉ yêu cầu tính lãi là 5 năm. Việc bà Ng yêu cầu tính lãi suất là 9% là phù hợp với lãi của Ngân hàng nhà nước tại thời điểm bà Ng yêu cầu tính lãi. Căn cứ vào Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005 thì bà Ng yêu cầu bà T phải trả cho bà Ng số tiền lãi phát sinh từ 170.000.000đồng(một trăm bảy mươi triệu) với thời gian từ 12/3/2013 đến nay là 05 năm là có lợi cho bà T là căn cứ chấp nhận.

Về tiền lãi được tính như sau: 170.000.000(một trăm bảy mươi triệu) đồng x 9% x 05 năm = 76.500.000đồng

{5}Xét yêu đơn yêu cầu phản tố của bà T nhận thấy: Ngày 11/01/2016 bà Nguyễn Thị Thanh T có nộp đơn yêu cầu phản tố với nội dung yêu cầu bà Ng hoàn trả lại toàn bộ số tiền bà Ng đã nhận của bà T mà bà T có phiếu ghi thì Tòa án đã

tiếp nhận vào ngày 15/8/2017. Căn cứ vào khoản 1 điều 146 BLTTDS Tòa án đã ra thông báo yêu cầu bà T nộp tiền tạm ứng án phí số 394/2017/TB-TA nhưng bà T không thực hiện nghĩa vụ tạm ứng án phí đối với yêu cầu này theo điều 146, 195 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử không xem xét, và bà T có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết trong một vụ kiện khác nếu bà T có yêu cầu và làm đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào Điều 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự 2005 (chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ng về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh T phải trả nợ vay. Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T phải thành toán cho bà Nguyễn Thị Ng tổng số tiền nợ gốc còn lại là 170.000.000(một trăm bảy mươi triệu)đồng và tiến lãi pháy sinh là 76.500.000đồng(bảy mươi sáu triệu năm trăm ngàn đồng).

Về án phí: Theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (sau đây viết tắt là DSST) có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho bà Ng là 246.500.000 x 5% = 12.325.000đồng (mười hai triệu ba trăm hai lăm ngàn đồng);

Bà Nguyễn Thị Ng không có lỗi nên không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ng số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) là tiền tạm ứng án phí mà bà Ng đã nộp theo biên lai số 020030 ngày 12-8-2013 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Đức.

Bà Nguyễn Thị Thanh T đã nộp số tiền tạm ứng giám định là 5.000.000 đồng(năm triệu đồng), chi phí giám định là 3.500.000đồng(ba triệu năm trăm ngàn đông) kết quả giám định cho thấy do yêu cầu của bà T là không có cơ sở nên căn cứ khoản 1 điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 bà T phải chịu toàn bộ, hoàn trả lại bà T số tiền còn lại sau khi giám định là 1.500.000đồng(một triệu năm trăm ngàn đông) đồng số tiền trên được Tòa án chuyển qua Cơ quan Thi hành dân sự huyện châu Đức khi án có hiêu lực.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 35, khoản 1 điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự 2005; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ng đối với bà Nguyễn Thị Thanh T.

Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T phải số tiền 246.500.000đ (hai trăm bốn mươi sáu triệu năm trăm ngàn đồng) cho bà Nguyễn Thị Ng (trong đó nợ gốc 170.000.000đồng(một trăm bảy mươi triệu đồng và tiền lãi là 76.5000.000đồng (bảy mươi sáu triệu năm trăm ngàn đồng).

Về án phí DSST: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải nộp số tiền án phí có giá ngạch là 12.325.000đ (mười hai triệu ba trăm hai mươi lăm ngàn đồng); để sung vào công quỹ Nhà nước.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ng số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) là tiền tạm ứng án phí mà bà Ng đã nộp theo biên lai số 020030 ngày 12-8-2013 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Đức,

Về chi phí giám định: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải nộp số tiền giám định chữ ký là 3.500.000đ (ba triệu năm trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí giám định 5.000.000đồng (năm triệu đồng) bà T đã nộp theo biên lai thu tiền ngày 12 tháng 8 năm 2013 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 1.500.000đ (một triệu năm ngàn đồng) do Tòa án chuyển qua Cơ quan thi hành dân huyện Châu Đức quản lý(Do Tòa án nhân dân huyện Châu Đức bàn giao).

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thì hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự";)

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19-10-2018), bà Nguyễn Thị Ng có quyền kháng cáo; đối với bà Nguyễn Thị Thanh T và bà Nguyễn Quang Đỗ Qu vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tống đạt hoặc niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
.*TAND tỉnh***.**
.VKSND H.Châu Đức.
.Chi cục THA DS H.Châu Đức.
.Các đương sự.
.Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa